

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 40/Daesang/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương
Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

E-mail: daesang.rd@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600109933-009

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN20/00088 ngày chứng nhận từ 17/3/2020 do SGS United Kingdom Ltd cấp. Được gia hạn từ ngày 17/03/2026 có hiệu lực đến ngày 16/03/2029.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SÓT TERIYAKI

2. Thành phần: Nước, đường ngô HFCS, đường mạch nha, đường, muối, dứa, chất làm dày (INS1422, INS415), gừng, nước tương (đậu nành, nước), chất tạo màu tự nhiên (INS150c), chất điều vị (INS621, INS631, INS627), dầu cọ, chất điều chỉnh độ acid (INS260, INS296), tỏi, tiêu, dầu mè, chất bảo quản (INS202, INS211).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Thời hạn sử dụng: 12 tháng.

+ Ngày sản xuất (NSX): được in trên bao bì sản phẩm.

+ Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì: phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

+ Chất liệu: HDPE-PP, thủy tinh/sắt tây... hoặc các chất liệu khác phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y tế.

+ Bao bì ngoài: hộp carton

+ Quy cách bao gói: 45g, 50g, 70g, 80g, 240g, 250g, 900g, 1kg, 2.5kg, 4kg, 5kg, 10kg,.. hoặc các quy cách theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM.

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương.



Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 40:2026/DAESANG

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hải Phòng, ngày 13 tháng 05 năm 2026

Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
PARK JUNGIL**

Hải Phòng, ngày 13 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2026 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2021 về Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Daesang Việt Nam;

Theo đề nghị của đại diện lãnh đạo về chất lượng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 40:2026/DAESANG**

Điều 2. Công bố việc áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở nói trên cho sản phẩm **SỐT TERIYAKI** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, cập nhật, đảm bảo sản phẩm **SỐT TERIYAKI** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh phù hợp với yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn cơ sở nói trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các phòng ban công ty;
- Lưu: VT/R&D.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
PARK JUNGIL**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM
TẠI HẢI DƯƠNG**

TCCS 40:2026/DAESANG

Lần ban hành: 01

Lần sửa đổi: 00

SỐT TERIYAKI

HẢI PHÒNG - 2026



TCCS 40:2026/DAESANG

SỐT TERIYAKI

Nội dung	Biên soạn	Soát xét
Họ và tên:	Nguyễn Thị Hồng	Nguyễn Thị Thu Thương
Chức danh:	Nhân viên R&D	Đội trưởng R&D
Chữ ký:		

Hải Phòng, ngày 13 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
PARK JUNGIL**

Mục lục

1. Phạm vi áp dụng	3
2. Tài liệu viện dẫn:	3
3. Yêu cầu kỹ thuật	3
3.1 Yêu cầu cảm quan	3
3.2 Yêu cầu về lý - hóa.....	3
3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng.....	4
4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.....	4
4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật	4
4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm	5
4.3 Dư lượng kim loại nặng	5
4.4 Phụ gia thực phẩm.....	5
5. Bao gói, ghi nhãn, bảo quản	5
5.1 Bao gói	5
5.2 Ghi nhãn.....	6
5.3 Bảo quản.....	6

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 40:2026/DAESANG do Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương phê duyệt ban hành theo Quyết định số 40/2026/QĐ-DAESANG

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ quy định về kiểm soát tài liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định áp dụng cho sản phẩm **SÓT TERIYAKI** do Chi Nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

2. Tài liệu viện dẫn:

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*

Thông tư 24/2019/TT-BYT, *Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm*; Thông tư 17/2023/TT-BYT, *Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm*

Tham khảo QCVN 8-1:2011/BYT, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm*, QCVN 8-2:2011/BYT, *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm*

3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu cảm quan

Các yêu cầu cảm quan đối với sản phẩm **SÓT TERIYAKI** được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu cảm quan

Chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Trạng thái	Dạng sốt, sánh.
1. Màu sắc	Màu nâu đen đến đen
2. Mùi, vị	Vị mặn ngọt hài hòa, thơm mùi gừng.

3.2 Yêu cầu về lý - hóa

Các yêu cầu về lý - hóa đối với sản phẩm **SÓT TERIYAKI** được quy định trong Bảng 2.

Bảng 2 – Yêu cầu về lý - hóa

Tên chỉ tiêu	Mức
1. pH	Từ 3 đến 5
2. Muối (NaCl), %	Từ 1,5 đến 5,5
3. Hàm lượng chất khô, %	Từ 40 đến 60

3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng

Các chỉ tiêu dinh dưỡng đối với sản phẩm **SỐT TERIYAKI** được quy định trong Bảng 3.

Bảng 3 – Yêu cầu về chỉ tiêu dinh dưỡng

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Năng lượng, kcal/100g	Từ 137 đến 229
2. Carbohydrat, g/100g	Từ 32 đến 54
3. Chất đạm, g/100g, không lớn hơn	2
4. Chất béo, g/100g, không lớn hơn	1,5
5. Natri (Na), mg/100g, không lớn hơn	2500
6. Đường tổng, g/100g	Từ 25 đến 42

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật

Các chỉ tiêu vi sinh vật đối với sản phẩm **SỐT TERIYAKI** được quy định trong Bảng 4.

Bảng 4 – Yêu cầu về vi sinh vật

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/g, không lớn hơn	10^4
2. Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc, CFU/g, không lớn hơn	10^2
3. Coliforms, CFU/g, không lớn hơn	10^2
4. E.Coli, MPN/g, không lớn hơn	3
5. S.aureus, CFU/g, không lớn hơn	10^2
6. Salmonella spp., /25g	Không phát hiện

4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Các chỉ tiêu độc tố vi nấm đối với sản phẩm **SÓT TERIYAKI** được quy định trong Bảng 5.

Bảng 5 – Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2), $\mu\text{g/kg}$, không lớn hơn	10
2. Ochratoxin A, $\mu\text{g/kg}$, không lớn hơn	30
3. Aflatoxin B1, $\mu\text{g/kg}$, không lớn hơn	5

4.3 Dư lượng kim loại nặng

Các chỉ tiêu kim loại nặng đối với **SÓT TERIYAKI** được quy định trong Bảng 6.

Bảng 6 – Dư lượng kim loại nặng

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Chì (Pb), mg/kg , không lớn hơn	2
2. Cadimi (Cd), mg/kg , không lớn hơn	1
3. Arsen (As), mg/kg , không lớn hơn	1
4. Thủy ngân (Hg), mg/kg , không lớn hơn	0,05

4.4 Phụ gia thực phẩm

Các yêu cầu phụ gia thực phẩm đối với sản phẩm **SÓT TERIYAKI** được quy định trong Bảng 7.

Bảng 7 – Phụ gia thực phẩm

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Natri benzoat (INS 211), mg/kg , không lớn hơn	1000
2. Kali sorbat (INS 202), mg/kg , không lớn hơn	1000
3. Caramen nhóm III (INS 150c), mg/kg , không lớn hơn	50000

5. Bao gói, ghi nhãn, bảo quản

5.1 Bao gói

Sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

Quy cách bao gói: 45g, 50g, 70g, 80g, 120g, 240g, 250g, 900g, 1kg, 2.5kg, 4kg, 5kg, 10kg...hoặc các quy cách theo yêu cầu của khách hàng

5.2 Ghi nhãn

Nhãn sản phẩm **SỐT TERIYAKI** được ghi trên bao bì theo quy định tại nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5.3 Bảo quản

Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản lạnh sau khi mở bao bì.



CHI NHÁNH
CÔNG TY
TNHH
DAESANG
VIỆT NAM
TẠI HÀI DƯƠNG
M.S.C.N: 260010933-009
★ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

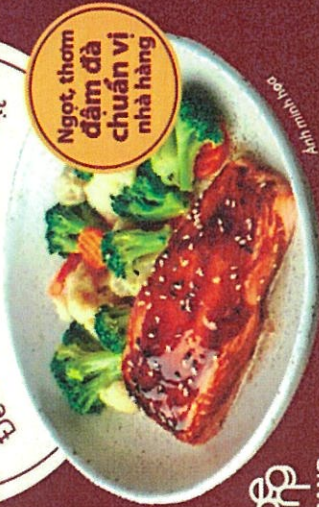


Teriyaki Sauce

◇ SỚT ◇
TERIYAKI

Ể ướp, chấm các món thịt

Ngọt, thơm
đậm đà
chuẩn vị
nhà hàng



Ảnh minh họa

sop
DAESANG

Khối lượng tịnh:
250 g



Teriyaki Sauce

Thành phần
Nước, đường ngô HFCS, đường, mạch nha (đường, mật), dứa, chất làm dày (INS1422, INS415), ớt, nước tương (chủ yếu muối, nước), chất tạo màu tự nhiên (INS150c), chất điều vị (INS621, INS631, INS627), dầu cọ, chất điều chỉnh độ acid (INS260, INS296), TGA, tiêu, dầu mè, chất bảo quản (INS202, INS211).

Hương dẫn sử dụng

Dùng để ướp các món thịt, hải sản
Dùng để chấm các món chiên rán
Dùng như sốt ướp cho các món nướng
Dùng làm sốt cho các món bánh mì kẹp

Hướng dẫn bảo quản
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Bảo quản lạnh sau khi mở bao bì.

Giá trị dinh dưỡng trong 100 g

Hàng lượng:	183,2	kcal
Carbohydrat:	43,2	g
Chất đạm:	1,02	g
Chất béo:	0,66	g
Natri (Na):	1473	mg
Đường tổng số:	33,3	g

Thông tin cảnh báo:
Không ăn đường ngô HFCS nếu có bệnh tiểu đường hoặc các vấn đề về đường huyết.
Sản phẩm có chứa gluten. Lưu ý người dị ứng gluten từ lúa mì, lúa mạch, mì.

• Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM
Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
• Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HÀI DƯƠNG
Lô 101 Đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Biện xã Cẩm Giang
thành phố Hải Phòng, Việt Nam
• Địa chỉ: Việt Nam
• Sản xuất theo số TQCS 402025/DAESANG
• Từ văn khách hàng: (024) 2.768.0563



HSD: 12 tháng kể từ NSX
NSX:

Overlap area - 7mm



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2512200534-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00256782

Mã số Eol : 005-32410-629696

Tên mẫu : SỐT TERIYAKI

Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu : 22/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 07/01/2026

Thời gian thử nghiệm : 22/12/2025 - 07/01/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW030 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
3	VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
6	VW1P9 VW Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	cfu/ g	N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo AOAC 2014.05)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	Phát hiện vết(<0.2)
8	VW066 VW (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	1.01
9	VW04K VW (a) pH value		N79-R-RD1-TP-9758 (Tham khảo TCVN 4835:2002)	4.08
10	VW081 VW (a) Chất béo	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (Tham khảo TCVN 8136:2009)	0.62
11	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	32.9
12	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	14.1
13	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	10.8
14	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
15	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	1.33
16	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	6.67



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00256782

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD668 VD (a) Hàm lượng chất khô	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	49.2
18	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
19	VW067 VW (a) Ochratoxin A	µg/ kg	N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)	Không phát hiện (LOD=0.5)
20	VWHGN VW (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
21	VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
22	VDGE4 VD (a) Carbohydrat không bao gồm chất xơ	g/ 100 g	AOAC 2020.07	38.30
23	VW07V VW (a) Muối (NaCl)	%	N79-R-RD1-TP-17839 (Tham khảo TCVN 3701:2009)	3.01
24	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	163
25	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
26	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
27	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
28	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	1460

Phát hiện vết: kết quả \geq LOD và $<$ LOQ.
 LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
 LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/02/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/02/2026.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

